

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 6 - 2023.

V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giang và ông Phạm Quốc Hưng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Lâm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Tạ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Mễ Hồng T1; sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: thôn 10A, xã H1, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: chị Trần Thị L1; sinh năm 1983; nơi đăng ký thường trú: thôn 10A, xã H1, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17/02/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Mễ Hồng T1 trình bày:

Anh và chị Trần Thị L1 chung sống với nhau từ năm 2010, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, thành phố Móng Cái vào ngày 18/5/2012. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp. Cả hai đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay anh T1 xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L1.

- Về con chung: anh Mễ Hồng T1 và chị Trần Thị L1 có hai con chung là Mễ Khánh Đ1, sinh ngày 09/02/2010 và Mễ Khánh P1, sinh ngày 29/12/2011, anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên; không yêu cầu chị L1 phải đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung: anh T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: anh Mễ Hồng T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn chị Trần Thị L1: quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ, yêu cầu chị cung cấp những thông tin về tình trạng hôn nhân và quan điểm của mình trong việc giải quyết nuôi dưỡng con chung. Những văn bản tố tụng này đều đã được giao trực tiếp cho bà Lê Hồng Thịnh là mẹ chồng của chị L1. Bà Thịnh cung cấp thông tin: sau khi anh T1 kết hôn với chị L1 cả hai cùng sinh sống với bà tại thôn 10A, xã H1, thành phố Móng Cái. Hiện nay L1 không có mặt ở nhà, có thông báo với gia đình là đi làm ăn nhưng không cho ai biết địa chỉ cụ thể. Tuy nhiên thì thoảng L1 vẫn gọi điện về để hỏi thăm con. Những lần L1 gọi điện về thì bà Thịnh đều đã thông tin cho L1 biết về thời gian, địa điểm đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các văn bản tố tụng mà cán bộ Tòa án giao lại cho gia đình. Nhưng Trần Thị L1 không đến Tòa án cũng như không có bất cứ ý kiến phản hồi nào về những yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn anh Mễ Hồng T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên vọng xin ly hôn. Anh T1 xác định không còn tình cảm với chị L1, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không có sự quan tâm đến nhau, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L1 để được ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, khoản nợ, anh vẫn giữ ý kiến như đã trình bày. Ngoài ra anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Ngày 17/3/2023, TAND thành phố Móng Cái ra thông báo số 16/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” là có cơ sở pháp luật và đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật đang có tranh chấp và tư cách các đương sự tham gia tố tụng. Việc lập hồ sơ, thu thập chứng cứ của thẩm phán đúng theo quy định. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203

BLTTDS. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là anh Mễ Hồng T1 được đảm bảo các quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo đúng quy định Điều 70, 71 BLTTDS.

Đối với bị đơn là chị Trần Thị L1 được đảm bảo các quyền theo đúng quy định Điều 70, 72 BLTTDS, tuy nhiên về nghĩa vụ chị L1 chưa thực hiện theo quy định khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án:

* Về tình cảm: Cuộc sống hôn nhân của anh T1 và chị L1 không còn tình cảm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, anh T1 đề nghị được ly hôn với chị L1. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Mễ Hồng T1, xử cho anh T1 được ly hôn với chị L1.

* Về con chung: Hiện con chung là Mễ Khánh Đ1, sinh ngày 09/02/2010 và Mễ Khánh P1, sinh ngày 29/12/2011 đang ở cùng anh T1 do anh T1 trực tiếp chăm sóc; anh T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị L1 không có quan điểm về việc nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ các Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

*Về tài sản chung và các khoản nợ: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn có nơi thường trú tại thôn 10A, xã H1, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng chị L1 không có mặt, Tòa án đã tiến hành thông báo kết quả phiên họp cho chị L1 theo quy định của pháp luật.

Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Trần Thị L1 theo quy định pháp luật nhưng chị L1 vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L1 là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp với khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mễ Hồng T1 và chị Trần Thị L1 lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2012 tại UBND xã H1, thành phố Móng Cái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của anh T1 và chị L1: Tài liệu do Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh T1, chị L1 sinh sống qua biên bản xác minh về nơi cư trú và mâu thuẫn phát sinh tranh chấp trong quan hệ hôn nhân do ông Cung Văn Tắc - Bí thư chi bộ- Trưởng thôn 10A, xã H1, thành phố Móng Cái ngày 21/3/2023, có nội dung như sau: chị Trần Thị L1 sau khi kết hôn với anh Mễ Hồng T1 về cư trú sinh sống ổn định tại thôn 10A, xã H1, thành phố Móng Cái (có đăng ký cư trú hợp pháp) và đây là nơi cư trú hợp pháp duy nhất của chị Trần Thị L1. Qua nắm bắt tình hình thông tin dân cư, vào khoảng năm 2023 (không rõ cụ thể tháng) chị L1 và anh T1 phát sinh mâu thuẫn từ việc vay nợ trong làm ăn kinh tế. Tại Biên bản làm việc ngày 20/3/2023 (có xác nhận của đại diện tổ dân, khu phố và chứng thực của chính quyền địa phương), bà Lê Hồng Thịnh (mẹ chồng của chị L1) cung cấp: chị L1 hiện không có mặt ở nhà, đang đi làm, vẫn thường liên lạc về gia đình nhưng giấu địa chỉ không cho người nhà biết. Chị L1 đã được thông tin và biết được nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cố tình không đến nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn giữa anh T1 và chị.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của anh T1 về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh chị sinh sống. Xét tình trạng hôn nhân của anh T1 và chị L1 không còn duy trì, tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau, đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh T1 và chị L1 có hai con chung là Mễ Khánh Đ1, sinh ngày 09/02/2010 và Mễ Khánh P1, sinh ngày 29/12/2011. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh T1 và có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Chị L1 đi

làm ở xa không có điều kiện chăm lo cho con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là Mễ Khánh Đ1, sinh ngày 09/02/2010 và Mễ Khánh P1, sinh ngày 29/12/2011, cho anh T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T1 không yêu cầu chị L1 đóng góp nuôi con chung nên HĐXX không đề cập. Chị L1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Anh T1 xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về khoản nợ: Anh T1 xác định trong thời gian sống chung, vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ; anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh T1, chị L1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mễ Hồng T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Mễ Hồng T1 được ly hôn chị Trần Thị L1.

2. Về con chung: giao con chung là Mễ Khánh Đ1, sinh ngày 09/02/2010 và Mễ Khánh P1, sinh ngày 29/12/2011 cho anh Mễ Hồng T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Trần Thị L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai

bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về khoản nợ: nguyên đơn xác nhận trong thời gian sống chung, vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ; anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: anh Mễ Hồng T1 phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0007768 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Anh Mễ Hồng T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: nguyên đơn Mễ Hồng T1 và bị đơn Trần Thị L1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Móng Cái;
- CCTHADS thành phố Móng Cái;
- UBND xã H1, tp Móng Cái;
- Các đương sự;
- THA, Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hương Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giang

Phạm Quốc Hưng

Đỗ Thị Hương Lan